

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT

Ngày 05-02-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 379/2019/TLPT-DS ngày 18/12/2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 330/2019/QĐ-PT ngày 24/12/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế A, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế A: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976; địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn C, huyện N, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1960

2.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1956

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M: Ông Đinh Văn N, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số nhà 305/68, ấp Q, xã T, huyện L, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện N, tỉnh Bến Tre.

3.2. Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thế A và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn P trình bày:

Từ tháng 12/2016, ông Nguyễn Thế A và Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M có hợp đồng bằng lời nói với nhau để mua bán thức ăn gia súc. Theo đó, hai bên thỏa thuận ông Thế A sẽ cung cấp thức ăn cho ông H, bà M nuôi heo đến khi heo xuất chuồng (thời gian khoảng bốn tháng) thì ông H, bà M sẽ trả tiền thức ăn cho ông Thế A và ông Thế A sẽ tiếp tục cung cấp thức ăn ở đợt heo tiếp theo. Tuy nhiên, trong quá trình mua bán ông H và bà M trả tiền cho ông Thế A không đúng như thỏa thuận.

Ngày 23/01/2018, sau khi hai bên chốt nợ thì số tiền ông H, bà M còn nợ ông Thế A là 2.467.043.500 đồng, việc chốt nợ do bà Nguyễn Thị Cẩm T là vợ ông Thế A đại diện xác nhận nợ và có ông Nguyễn Văn T là con của ông H, bà M cùng ký tên vào biên bản xác nhận công nợ.

Kể từ ngày 23/01/2018, ông H và bà M không mua thức ăn của ông Thế A nữa mà chuyển sang mua thức ăn của người khác nên ông Thế A yêu cầu ông H, bà M và ông T thanh toán hết số tiền nợ nêu trên. Sau đó, ông H, bà M và ông T có trả cho ông Thế A nhiều lần với tổng số tiền 552.113.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.914.930.500 đồng.

Nay ông Nguyễn Thế A yêu cầu Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thức ăn gốc là 1.914.930.500 đồng. Về yêu cầu tính tiền lãi, khi khởi kiện ông Thế A yêu cầu mức lãi suất 0,83%/tháng, nay thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu mức lãi suất 07%/năm tính từ ngày 19/6/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Đồng thời, ông Thế A yêu cầu tiếp tục duy trì các quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo thi hành án.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/6/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 01/8/2019, bị đơn Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thừa nhận ông và Bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận mua thức ăn với ông Nguyễn Thế A, hai bên chỉ thỏa thuận miệng. Theo đó, ông Thế A cung cấp thức ăn đến khi heo xuất chuồng thì thanh toán tiền, mục đích mua thức ăn một phần phục vụ chăn nuôi của gia đình và một phần bán lại cho một số người chăn nuôi

khác. Khi ông Thế A giao thức ăn có lập phiếu theo dõi việc giao nhận thức ăn, mỗi bên giữ một phiếu.

Từ cuối năm 2016, do việc chăn nuôi gặp khó khăn nên ông và bà M chưa thanh toán tiền thức ăn cho ông Thế A theo thỏa thuận. Tổng số tiền thức ăn ông còn nợ lại ông Thế A là 1.914.930.500 đồng.

Ông đồng ý trả tiền thức ăn gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông Thế A.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 26/6/2019, bị đơn Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến của Ông Nguyễn Văn H, bà đồng ý trả số tiền thức ăn còn nợ lại cho ông Nguyễn Thế A.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông thừa nhận có ký tên vào biên bản xác nhận công nợ ngày 23/01/2018. Ông đồng ý cùng Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thế A số tiền thức ăn gốc là 1.914.930.500 đồng. Do việc chăn nuôi thu lỗ, kinh tế khó khăn nên ông xin được trả dần và không tính tiền lãi.

Ông yêu cầu ông Thế A tính tiền hoa hồng đối với số lượng thức ăn mà gia đình ông đã mua và yêu cầu khấu trừ số tiền đó và tiền nợ gốc.

Tại bản khai ngày 27/6/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Bà là vợ ông Nguyễn Thế A, ngày 23/01/2018 bà có đại diện ông Nguyễn Thế A ký biên bản xác nhận công nợ đối với ông H, bà M và ông T. Ông H, bà M và ông T nợ tiền thức ăn của ông Thế A thì có nghĩa vụ trả tiền cho ông Thế A, bà không ý kiến và yêu cầu gì khác.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện N đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế A.

Buộc Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thế A số tiền thức ăn là 1.961.473.950đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm năm mươi đồng), trong đó tiền gốc là 1.914.930.500đ (Một tỷ chín trăm mười bốn triệu

chín trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi là 46.543.450đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre phong tỏa tài sản của Nguyễn Văn H đối với phần đất thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp H, xã S, huyện N, tỉnh Bến Tre và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre phong tỏa tài sản của Nguyễn Văn H đối với phần đất thuộc thửa số 157 và thửa số 173, cùng tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp H, xã S, huyện N, tỉnh Bến Tre. Biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Thế A và Tòa án sẽ ra quyết định hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp pháp luật quy định.

Tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm đã được áp dụng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2019/QĐ-BPBD ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N buộc gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 228009178367 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2019/QĐ-BPBD ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N buộc gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 228009441670 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch Mỏ Cày.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/11/2019, bị đơn Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M kháng cáo. Nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì có sai phạm tố tụng nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M là ông Đinh Văn N giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông N trình bày:

Cấp sơ thẩm có sai sót nghiêm trọng trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như: Giấy triệu tập ngày 11/9/2019 mời tôi tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X trong khi tôi và bà X không tranh chấp tại Tòa án; Theo thông báo ngày 14/8/2019 thì Tòa án mời tham gia hòa giải nhưng khi tôi đến gặp Thẩm phán Dân thì Thẩm phán Dân cho rằng không có mời tôi; Ngày 21/10/2019, Tòa án mời tôi tham gia phiên tòa nhưng không đưa vụ án ra xét xử cũng không có quyết định hoãn phiên tòa; Ngoài ra, tôi cũng không nhận được quyết định áp dụng biện

pháp khẩn cấp tạm thời đối với hai thửa đất của ông H... Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn P trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận chiết khấu đầu bao như trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Ông H, bà M không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho ông Thế A nên Tòa án sơ thẩm buộc ông H, bà M, ông T liên đới trả nợ gốc và lãi chậm trả là có căn cứ. Đối với yêu cầu tính tiền hoa hồng của ông T thì không được nguyên đơn chấp nhận, ông T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, nhận thấy mặc dù sơ thẩm có sai sót về đánh máy nhưng việc cấp, tổng đạt, thời hạn tố tụng được thực hiện đúng quy định nên không cần thiết phải hủy án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 97/2018/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung tranh chấp:

[1.1] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận giữa hai bên có hợp đồng mua bán thức ăn với nhau, hợp đồng bằng lời nói, hai bên thỏa thuận mua bán thức ăn theo hình thức gói đầu tức là nguyên đơn cung cấp thức ăn cho bị đơn đến khi bán heo thì bị đơn trả tiền thức ăn cho nguyên đơn. Do trong quá trình chăn nuôi gặp khó khăn, thu lỗ nên bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận đối với nguyên đơn. Hai bên cũng thống nhất số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.914.930.500 đồng.

Nguyên đơn có yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 19/6/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (là 04 tháng 05 ngày) với mức lãi suất 07%/năm tương ứng với số tiền 46.543.450 đồng. Căn cứ theo thỏa thuận thì ông H, bà M và ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn đối với ông Thế A nên phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do đó, yêu cầu tính tiền lãi của

ông Thế A là phù hợp với khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả tiền thức ăn còn nợ và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Thế A tính tiền hoa hồng đối với số lượng thức ăn mà gia đình ông đã mua và khấu trừ số tiền đó và tiền nợ gốc. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận việc các bên có thỏa thuận chiết khấu tiền hoa hồng, đồng thời trong quá trình tố tụng ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của ông theo yêu cầu của Tòa nên không có cơ sở để xem xét.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như: Giấy triệu tập ghi không đúng tên nguyên đơn trong vụ án, hoãn phiên tòa nhưng không giao cho ông Quyết định hoãn phiên tòa, mời ông N tham gia hòa giải nhưng không tổ chức hòa giải... Xét thấy, mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót nhưng đây là những sai sót nhỏ và đã được Tòa án cấp sơ thẩm khắc phục, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm ông N cũng thừa nhận việc cấp, tổng đạt và thời hạn tố tụng tại Tòa án sơ thẩm được thực hiện đúng theo quy định tố tụng. Từ đó, có thể thấy những sai sót trên không được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, kháng cáo của bị đơn về nội dung này không phù hợp nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà M phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2019/DS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế A.

Buộc Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thế A số tiền thức ăn là 1.961.473.950đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm năm mươi đồng), trong đó tiền gốc là 1.914.930.500đ (Một tỷ chín trăm mười bốn triệu chín trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) và tiền lãi là 46.543.450đ (Bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2019/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre phong tỏa tài sản của Nguyễn Văn H đối với phần đất thuộc thửa số 20, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp H, xã S, huyện N, tỉnh Bến Tre và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2019/QĐ-BPKCTT ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre phong tỏa tài sản của Nguyễn Văn H đối với phần đất thuộc thửa số 157 và thửa số 173, cùng tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại Ấp H, xã S, huyện N, tỉnh Bến Tre. Biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Thế A và Tòa án sẽ ra quyết định hủy bỏ khi thuộc một trong các trường hợp pháp luật quy định.

Tiếp tục duy trì biện pháp bảo đảm đã được áp dụng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 10/2019/QĐ-BPBD ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N buộc gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 228009178367 và Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2019/QĐ-BPBD ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện N buộc gửi tài sản có giá trị bảo đảm là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản số 228009441670 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre - Phòng giao dịch Mỏ Cày.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Buộc Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.844.219đ (Bảy mươi triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm mười chín đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Thế A số tiền tạm ứng án phí là 34.724.000đ (Ba mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003676 ngày 24 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H, Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng mỗi người nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo các biên lai tạm ứng án phí số 0006526 và 0006527 cùng ngày 15/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương